TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96 /2019/ HNGĐ-ST.
Ngày: 13 – 11 – 2019 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Hồng Mến

2. Ông Dương Sinh Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Ông Huỳnh Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2019; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung "* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phước L, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Nguyên vào năm 2010 chị T, anh L được cha, mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sống chung từ đó cho đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 01/3/2010.

Sau khi cưới vợ, chồng sống chung tại ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung là Nguyễn Khoa N, sinh ngày 20/4/2012; Nguyễn Kim A, 25/9/2013, hiện nay cháu Kim A sống chung với chị Nguyễn Thị Kim T. Vợ, chồng hạnh phúc khoảng 8 năm, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn và kéo dài cho đến nay đã ly thân không đoàn tựu lại, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phước L.

Về con chung: Theo nguyện vọng của con chung Nguyễn Khoa N, sinh ngày 20/4/2012 nếu cháu Nam sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, đối với con chung Nguyễn Kim A chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung cháu Nguyễn Khoa N trình bày: Hiện nay cháu Nam đang đi học và sống chung với cha Nguyễn Phước L cùng ông nội, bà nội cháu. Cha Nguyễn Phước L và mẹ Nguyễn Thị Kim T ly hôn cháu có vọng sống chung với cha.

- Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn hôn anh Nguyễn Phước L.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khoa N , sinh ngày 20/4/2012; cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Kim A, 25/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh Nguyễn Phước L vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị T, anh L kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng hiện nay đã ly thân, là có thật. Nên cho chị T, anh L ly hôn là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo nguyên vọng của con chung, căn cứ vào tình hình thực tế, sau khi chị T, anh L ly thân cháu Nguyễn Kim A sống chung với chị T nên giao chị tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Khoa N, sinh ngày 20/4/2012 sống chung với anh L, nguyện vọng cháu Nam được tiếp tục sống chung anh L nên giao cháu Nam cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh L, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Phước L.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Khoa N, sinh ngày 20/4/2012; cho anh Nguyễn Phước L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Kim A, 25/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T, Bị đơn anh Nguyễn Phước L không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số $N^0$0006979, ngày 18/4/2019 nên chị T không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã N,
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo